Mẫu TB16-TLĐ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 22/HD-TLĐ ngày 29/4/2021; Hướng dẫn số 86/HD-TLĐ ngày 29/5/2023 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI
Số: 69 /TB-LĐLĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
DUYỆT DỰ TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2024

Kính gửi: Công đoàn Khu Kinh tế Dung Quyết và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-LĐLĐ ngày 10/4/2024 của Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự toán tài chính công đoàn năm 2024, Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi thông báo duyệt Dự toán thu và sử dụng tài chính công đoàn năm 2024 của Công đoàn Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi như sau:

A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số
A	B	C	D
I	**CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ**	**01**	**76**
1	Khu vực Hành chính sự nghiệp	01.01	3
2	Khu vực sản xuất kinh doanh	01.02	73
3	Nghiệp đoàn	01.03	
II	**ĐƠN VỊ CHƯA THÀNH LẬP CĐCS**	**02**	**2**
III	**LAO ĐỘNG**	**05**	**48.546**
1	Khu vực Hành chính sự nghiệp	05.01	378
2	Khu vực sản xuất kinh doanh	05.02	48.148
3	Đơn vị chưa thành lập CĐCS	05.03	20
IV	**TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN**	**11**	**39.136**
1	Khu vực Hành chính sự nghiệp	11.01	378
2	Khu vực sản xuất kinh doanh	11.02	38.758
3	Nghiệp đoàn	11.03	
V	**CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CHUYÊN TRÁCH**	**15**	
1	LĐLĐ cấp tỉnh, TP và tương đương	16	
	a- Cán bộ trong biên chế	16.01	
	b- Lao động khác	16.02	
2	CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở	17	3
	a- Cán bộ trong biên chế	17.01	3
	b- Lao động khác	17.02	
3	Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn	18	
4	Đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ nguồn TCCĐ	19	

B- CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán trong kỳ	Chia ra			
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
I	**TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ**	10	**40.970**	**29.986**	**10.984**		
1.1	Quỹ đầu tư cơ sở vật chất	10.1	2.048		2.048		
1.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	10.2	35.571	29.986	5.585		
1.3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	10.3	3.351		3.351		
II	**PHẦN THU**	20					
2.1	Thu đoàn phí Công đoàn	22	**11.240**	**11.240**	**0**		
	a- Khu vực HCSN	22.01	224	224			
	b- Khu vực SXKD	22.02	11.016	11.016			
2.2	Thu kinh phí Công đoàn	23	**37.202**	**0**	**37.202**		
	a- Khu vực HCSN	23.01	447		447		
	b- Khu vực SXKD	23.02	36.721		36.721		
	c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS	23.03	34		34		
2.3	Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ	24	0				
2.4	Các khoản thu khác	25	1.100	1.000	100		
	a- Chuyên môn hỗ trợ	25.01	0				
	b- Thu khác	25.02	1.100	1.000	100		
	CỘNG THU TCCĐ		**49.542**	**12.240**	**37.302**		
2.5	Tài chính công đoàn cấp trên cấp	28	**27.876**	**27.876**	**0**		
	a- TCCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.01					
	b- TCCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.02	27.876	27.876			
	c- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.01					
	d- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.02					
2.6	TCCĐ cấp dưới nộp lên	29	3.372		3.372		
2.7	Nhận bàn giao tài chính Công đoàn	40					
2.8	Các khoản khác tăng nguồn TCCĐ (tài chính tích lũy)	47					
	TỔNG CỘNG THU		**80.790**	**40.116**	**40.674**		
III	**SỬ DỤNG QUỸ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN**		**0**				
IV	**PHẦN CHI**						
3.1	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và NLĐ	31	22.673	19.873	2.800		
3.2	Chi tuyên truyền đoàn viên, NLĐ	32	7.669	6.969	700		
3.3	Chi quản lý hành chính	33	4.391	4.181	210		
3.4	Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương	34	4.259	3.541	718		
	a- Lương cán bộ trong biên chế	34.01	543		543		
	b- Phụ cấp cán bộ công đoàn	34.02	3.716	3.541	175		
	c- Các khoản phải nộp theo lương	34.03					
3.5	Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS	35	50		50		

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán trong kỳ	Chia ra			
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
3.6	Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB	36	100	0	100		
	a- Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên TSCĐ	36.01	0				
	b- Chi mua sắm TSCĐ	36.02	100		100		
	c- Chi đầu tư XDCB	36.03	0				
3.7	Các khoản chi khác về hoạt động công đoàn	37	2.180	2.180	0		
	a- Chi khác	37.01	2.180	2.180			
	b- Kết quả khoán chi	37.02	0				
	CỘNG CHI TCCĐ		**41.322**	**36.744**	**4.578**		
3.8	Tài chính công đoàn đã cấp cho cấp dưới	38	**27.876**	**0**	**27.876**		
	a- TCCĐ cấp cho cấp dưới theo phân phối	38.01	27.876		27.876		
	b- TCCĐ cấp hỗ trợ cho cấp dưới	38.02					
3.9	TCCĐ đã nộp cấp trên quản lý trực tiếp	39	**11.372**	**3.372**	**8.000**		
	a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	39.01	11.372	3.372	8.000		
	b- Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	39.02					
3.10	Kinh phí đã cấp trả cho đơn vị khi thành lập CĐCS	41					
3.11	Bàn giao tài chính Công đoàn	42					
3.12	Các khoản khác giảm nguồn TCCĐ	48					
	TỔNG CỘNG CHI		80.570	40.116	40.454		
V	**KINH PHÍ DỰ PHÒNG**	46	**220**	**0**	**220**		
VI	**TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (V=I+II+III-IV-V)**	50	**40.970**	**29.986**	**10.984**		
5.1	Quỹ đầu tư bằng tiền	50.1					
5.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	50.2					
5.3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	50.3					

*** GHI CHÚ, NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ:**

1. Khuyến khích, ưu tiên chi chăm lo trực tiếp cho đoàn viên, người lao động.

2. Yêu cầu đơn vị chấp hành đúng dự toán chi được giao, trường hợp phát sinh thêm nhiệm vụ chi vượt dự toán, điều chỉnh nhóm mục chi trong năm, đơn vị phải trình Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh xem xét, quyết định trước khi chi.

3. Đơn vị sử dụng Quỹ hoạt động thường xuyên cho số chi năm 2024: 0 triệu đồng

4. Tạm giao số nộp nghĩa vụ cho LĐLĐ tỉnh: 8.000 triệu đồng.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (02 bản);
- Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, Kế toán.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Phúc Nhân